**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.004878.000.00.00.H56

**Số quyết định:** 4690/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Nuôi con nuôi

**Trình tự thực hiện:**

i) Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được nhận làm con
nuôi gửi Sở Tư pháp nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.
- Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những
người liên quan kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Sau khi kiểm tra, nếu thấy người được nhận làm con nuôi có đủ điều kiện
để cho làm con nuôi nước ngoài thì Sở Tư pháp xác nhận đủ điều kiện cho làm
con nuôi nước ngoài, thông báo cho người nộp hồ sơ và gửi Bộ Tư pháp (Vụ Con
nuôi) hồ sơ của người được nhận làm con nuôi kèm theo văn bản xác nhận
người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện được cho làm con nuôi, văn bản lấy ý
kiến của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của người được nhận làm con
nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho làm con nuôi.
ii) Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và bản chụp hồ sơ của người
được nhận làm con nuôi cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).
- Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con
nuôi, người được nhận làm con nuôi. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ, trả
lại hồ sơ cho người nhận con nuôi, nêu rõ lý do bằng văn bản.
Trường hợp chấp thuận hồ sơ
+) Đối với trường hợp người nhận làm con nuôi thường trú ở những nước
chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam:
Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư
pháp nơi người được nhận làm con nuôi thường trú để trình Ủy ban nhân dân
cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
+) Đối với trường hợp người nhận làm con nuôi thường trú ở những nước
là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Bộ Tư
pháp (Vụ Con nuôi) thông báo bằng văn bản cho người nhận con nuôi và Cơ
quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài hữu quan, kèm theo báo cáo
đánh giá về người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện cho làm con nuôi ở
nước ngoài và văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến
của người được nhận làm con nuôi t đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho làm
con nuôi.
Sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của
nước ngoài hữu quan xác nhận người được nhận làm con nuôi sẽ được nhập
cảnh và thường trú tại nước nhận người đó àm con nuôi, Bộ Tư pháp (Vụ Con
nuôi) chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tư pháp
trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố
nước ngoài.
Trường hợp Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài hữu
quan không chấp thuận, Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do
bằng văn bản cho người nhận con nuôi và thông báo cho Sở Tư pháp.
- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông
báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.
- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức lễ giao nhận con nuôi.
Tại lễ giao nhận con nuôi, Sở Tư pháp giao cho cha, mẹ nuôi 01 bộ hồ sơ người
được nhận làm con nuôi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ
và ý kiến của người được nhận làm con nuôi t đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý
cho làm con nuôi.
- Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước
ngoài phù hợp với Công ước La Hay (nếu có yêu cầu).

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 140 ngày đối với trường hợp việc NCN có liên quan tới những nước chưa là thành viên của ĐƯQT về hợp tác NCN với Việt Nam; 155 ngày đối với trường hợp việc NCN có liên quan tới những nước là thành viên của ĐƯQT về hợp tác NCN với Việt Nam, trong đó: | Lệ phí : 4.500.000 đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi (Trường hợp nhận đồng thời 02 trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi, thì được lựa chọn áp dụng mức lệ phí như trên hoặc áp dụng mức lệ phí:9.000.000đ/trẻ em thứ nhất và từ trẻ thứ hai trở đi là 4.500.000đ/trường hợp.)  Mức giá : (- Thời điểm nộp: Sau khi Vụ con nuôi tiếp nhận và cấp mã hồ sơ của người nhận con nuôi. - Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. (Vụ con nuôi thu lệ phí)) | - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: + Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. + Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. |
| Trực tuyến | 140 ngày đối với trường hợp việc NCN có liên quan tới những nước chưa là thành viên của ĐƯQT về hợp tác NCN với Việt Nam; 155 ngày đối với trường hợp việc NCN có liên quan tới những nước là thành viên của ĐƯQT về hợp tác NCN với Việt Nam, trong đó: | Phí : 0 Đồng  Lệ phí : 4.500.000 đ/trường hợp nhận 01 trẻ em (Trường hợp nhận đồng thời 02 trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi, thì được lựa chọn áp dụng mức lệ phí như trên hoặc áp dụng mức lệ phí: 9.000.000đ/trẻ em thứ nhất và từ trẻ thứ hai trở đi là 4.500.000đ/trường hợp.) Mức giá: (- Thời điểm nộp: Sau khi Vụ con nuôi tiếp nhận và cấp mã hồ sơ của người nhận con nuôi. - Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. (vụ con nuôi thu lệ phí)) | - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: + Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. + Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần) |
| Dịch vụ bưu chính | 140 ngày đối với trường hợp việc NCN có liên quan tới những nước chưa là thành viên của ĐƯQT về hợp tác NCN với Việt Nam; 155 ngày đối với trường hợp việc NCN có liên quan tới những nước là thành viên của ĐƯQT về hợp tác NCN với Việt Nam, trong đó: | Phí : 0 Đồng  Lệ phí : 4.500.000đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi (Trường hợp nhận đồng thời 02 trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi, thì được lựa chọn áp dụng mức lệ phí như trên hoặc áp dụng mức lệ phí:9.000.000đ/trẻ em thứ nhất và từ trẻ thứ hai trở đi là 4.500.000đ/trường hợp.)  Mức giá : (- Thời điểm nộp: Sau khi Vụ con nuôi tiếp nhận và cấp mã hồ sơ của người nhận con nuôi. - Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. (Vụ con nuôi thu lệ phí)) | - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: + Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. + Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. |

**Thành phần hồ sơ:**

**\* Lưu ý đối với trường hợp người yêu cầu lựa chọn hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công theo biểu mẫu điện tử tương tác dưới đây:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| Biểu mẫu điện tử tương tác Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi | 5.NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT VIỆC NCNNN ĐỐI VỚI TH NHẬN CON RIÊNG CHÁU RUỘT.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Hồ sơ của người nhận con nuôi:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh) | 2.Đơn xin nhận TE làm CNNNg- nhận con riêng, cháu ruột.doc | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 2 |
| - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; |  | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Bản điều tra về tâm lý, gia đình; |  | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; |  | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; |  | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Phiếu lý lịch tư pháp; |  | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 2 |
| + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 2 |
| + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 2 |
| - Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| +) Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 2 |
| +) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 2 |
| Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| \*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| \*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Hồ sơ của người nhận con nuôi: nộp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua các hình thức: nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi); ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc nộp qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi). |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| Lưu ý: Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi khi nộp hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú của người được nhận làm con nuôi, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

**Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Giấy khai sinh; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 3 |
| - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; |  | Bản chính: 3 Bản sao: 0 |
| - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 3 |
| - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ để mất năng lực hành vi dân sự; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 3 |
| - Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên; |  | Bản chính: 3 Bản sao: 0 |
| - Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 3 |
| - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). | Van ban tom tat dac diem tre em.doc | Bản chính: 3 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột. |  | Bản chính: 3 Bản sao: 0 |
| Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ của người nhận con nuôi tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: nộp tại Sở Tư pháp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

**Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp tỉnh Sơn La

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lội Lê Lợi, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa)

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Vụ Con nuôi

**Kết quả thực hiện:** Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 52/2010/QH12 | Luật 52/2010/QH12 | 17-06-2010 | Quốc Hội |
| 19/2011/NĐ-CP | Nghị định 19/2011/NĐ-CP | 21-03-2011 | Chính phủ |
| 24/2019/NĐ-CP | Nghị định 24/2019/NĐ-CP | 05-03-2019 | Chính phủ |
| 10/2020/TT-BTP | Thông tư 10/2020/TT-BTP | 28-12-2020 |  |
| 114/2016/NĐ-CP | Nghị định 114/2016/NĐ-CP | 08-07-2016 |  |
| 267/2016/TT-BTC | Thông tư 267/2016/TT-BTC | 14-11-2016 |  |
| 98/2022/NĐ-CP | Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; | 29-11-2022 | Chính phủ |
| 07/2023/TT-BTP | Thông tư số 07/2023/TT-BTP | 29-09-2023 | Bộ trưởng Bộ Tư pháp |
| 104 | Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | 21-12-2022 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** - Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:
+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.
+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật nuôi con nuôi, gồm:
i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
ii) Có tư cách đạo đức tốt;
iii) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây:
+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
+) Đang chấp hành hình phạt tù;
+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.
Theo khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, thủ tục này không áp dụng các điều kiện: người nhận con nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.
- Người được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau đây:
+) Là người dưới 18 tuổi;
+) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin